

Số: 142 /BC-PVCFC

Cà Mau, ngày 29 tháng 01 năm 2026

# BÁO CÁO

## Tình hình quản trị công ty (12 tháng năm 2025)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
  - Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Tên công ty niêm yết: Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC).
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 647-649 đường Ngô Quyền, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau.
- Điện thoại: 02903.819000.
- Fax: 02903.590501      Email: [contact@pvcfc.com.vn](mailto:contact@pvcfc.com.vn).
- Vốn điều lệ: 5.294 tỷ đồng.
- Mã chứng khoán: DCM.
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và Tổng Giám đốc (theo Khoản a, Điều 137, Luật Doanh nghiệp 2020).
- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: đã thực hiện.
- Các ủy ban, đơn vị trực thuộc HĐQT: Ủy ban Kiểm toán (UB KT); Ủy ban Quản lý rủi ro (UB QLRR), Ủy ban Đề cử - Lương thưởng (UB ĐCLT), Ủy ban Môi trường, Xã hội và Quản trị (UB ESG), Ban Kiểm toán nội bộ, Văn phòng HĐQT trực thuộc HĐQT. *(Trong năm 2025, HĐQT đã tách riêng biệt UB Kiểm toán và Quản trị rủi ro thành 02 ủy ban gồm UB KT và UB QLRR).*
- Công ty con: Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC); Công ty TNHH Phân bón Hàn - Việt (KVF).

## I. Hoạt động của ĐHĐCĐ

Các chính sách của PVCFC luôn quy định rằng các cổ đông đều có quyền bình đẳng, thông tin về hoạt động của PVCFC được công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật hiện hành tới các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác. Trong năm 2025, PVCFC đã tổ chức 02 kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường để quyết định những vấn đề quan trọng của PVCFC, cụ thể như sau:



## **1. ĐHĐCĐ thường niên:**

- Ngày 16/6/2025, PVCFC đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thành công ngay lần đầu tiên và đúng thời gian quy định. Tại phiên họp này, cổ đông đã thông qua, phê duyệt các báo cáo, tờ trình của Hội đồng quản trị.

+ ĐHĐCĐ đã thông qua việc miễn nhiệm tư cách TV HĐQT độc lập đối với Ông Trương Hồng; bầu cử Thành viên (TV) HĐQT, TV HĐQT độc lập và thành viên BKS.

+ ĐHĐCĐ đã thông qua việc bổ sung, sửa đổi chi tiết ngành, nghề đăng ký kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.

- Toàn bộ Thành viên HĐQT, Thành viên BKS và Tổng giám đốc (TGD) đã có mặt để tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. PVCFC đã mời Đại diện của đơn vị kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam tham dự đại hội:

- o Số lượng thành viên HĐQT tham dự Đại hội: 07/07 người;
- o Số lượng thành viên BKS tham dự Đại hội: 03/03 người;
- o Đại diện Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: 01 người.

- Tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, PVCFC thuê đơn vị độc lập - Công ty cổ phần Bvote Việt Nam - để thực hiện kiểm phiếu theo phương thức bỏ phiếu điện tử

- Tại phiên họp này, HĐQT đã thực hiện hình thức họp trực tuyến kết hợp truyền thống, qua đó tạo điều kiện tối đa để các cổ đông có thể tham gia và phát biểu ý kiến, mở cổng biểu quyết trước giờ khai mạc 03 ngày để cổ đông có thể biểu quyết từ xa. Tất cả các câu hỏi của cổ đông đều được Đoàn chủ tịch trả lời đầy đủ, thỏa đáng.

## **2. ĐHĐCĐ bất thường**

- Ngày 05/11/2025, PVCFC đã tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 thành công ngay lần đầu tiên và đúng thời gian quy định. Tại phiên họp này, cổ đông đã thông qua, phê duyệt các tờ trình của Hội đồng quản trị, cụ thể:

+ Sửa đổi, bổ sung số 11 - Hợp đồng mua bán khí PM3 CAA và Lô 46 Cái Nước (Hợp đồng số 3918/HĐ-DKVN ngày 23/5/2012).

+ Đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau thành Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau.

+ Sửa đổi, bổ sung và ban hành toàn văn Điều lệ PVCFC; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Toàn bộ 07/07 Thành viên HĐQT, 03/03 Thành viên BKS và Tổng giám đốc (TGD) đã có mặt để tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2025.

- Tại phiên họp này, PVCFC thuê đơn vị độc lập Công ty luật TNHH HTIC tham gia Ban kiểm phiếu để thực hiện việc kiểm đếm và xác nhận kết quả kiểm phiếu.



### 3. Các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ năm 2025:

| Stt        | Số và Ký hiệu            | Ngày/tháng/năm | Trích yếu                                                                                                       |
|------------|--------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN</b> |                |                                                                                                                 |
| 1          | 1368/NQ-PVCFC            | 16/6/2025      | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025                                                            |
| 2          | 1369/NQ -PVCFC           | 16/6/2025      | Nghị quyết ban hành Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau                                             |
| 3          | 1370/NQ -PVCFC           | 16/6/2025      | Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua Phương án phân phối lợi nhuận lũy kế năm 2024                                        |
| 4          | 1371/NQ -PVCFC           | 16/6/2025      | Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025                         |
| 5          | 1372/NQ-PVCFC            | 16/6/2025      | Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát          |
| 6          | 1373/NQ-PVCFC            | 16/6/2025      | Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo hoạt động năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị  |
| 7          | 1374/NQ-PVCFC            | 16/6/2025      | Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024                               |
| 8          | 1375/NQ-PVCFC            | 16/6/2025      | Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024                                              |
| 9          | 1376/NQ-PVCFC            | 16/6/2025      | Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025                                                |
| 10         | 1377/NQ-PVCFC            | 16/6/2025      | Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua báo cáo tiền lương, tiền thưởng, thù lao và các lợi ích khác năm 2024 của HĐQT, BKS  |
| 11         | 1378/NQ-PVCFC            | 16/6/2025      | Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc bổ sung, sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh                                 |
| 12         | 1379/NQ-PVCFC            | 16/6/2025      | Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch tiền lương, tiền thưởng, thù lao và các lợi ích khác năm 2025 của HĐQT, BKS |
| 13         | 1380/NQ-PVCFC            | 16/6/2025      | Nghị quyết ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025                |
| 14         | 1381/NQ-PVCFC            | 16/6/2025      | Nghị quyết ĐHĐCĐ sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty                                             |
| 15         | 1382/NQ-PVCFC            | 16/6/2025      | Nghị quyết sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị                                              |
| <b>II/</b> | <b>ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG</b>  |                |                                                                                                                 |



| Stt | Số và Ký hiệu | Ngày/tháng/năm | Trích yếu                                                                                                                                        |
|-----|---------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 2708/NQ-PVCFC | 05/11/2025     | Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025                                                                                    |
| 2   | 2709/NQ-PVCFC | 05/11/2025     | Nghị quyết về việc thông qua nội dung chính Sửa đổi, bổ sung số 11 Hợp đồng mua bán khí PM3 CAA và Lô 46 Cái Nước số 3918/HĐ-DKVN ngày 23/5/2012 |
| 3   | 2710/NQ-PVCFC | 05/11/2025     | Nghị quyết về việc đổi tên Công ty                                                                                                               |
| 4   | 2711/NQ-PVCFC | 05/11/2025     | Nghị quyết về việc ban hành Điều lệ Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau                                                       |
| 5   | 2712/NQ-PVCFC | 05/11/2025     | Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau                        |
| 6   | 2715/NQ-PVCFC | 05/11/2025     | Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau                       |
| 7   | 2716/NQ-PVCFC | 05/11/2025     | Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau                                     |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 12 tháng năm 2025).

### 1. Thông tin về TV HĐQT:

#### 1.1 TV HĐQT:

| Stt | Thành viên HĐQT      | Chức vụ          | Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT/<br>TV HĐQT độc lập |                 |                        |
|-----|----------------------|------------------|-------------------------------------------------------|-----------------|------------------------|
|     |                      |                  | Ngày bổ nhiệm                                         | Ngày miễn nhiệm | Ngày bổ nhiệm đầu tiên |
| 1   | Ông Trần Ngọc Nguyên | Chủ tịch HĐQT    | 10/01/2024                                            |                 | 10/01/2019             |
| 2   | Ông Văn Tiến Thanh   | TV HĐQT kiêm TGD | 12/6/2023                                             |                 | 12/6/2018              |
| 3   | Ông Nguyễn Đức Hạnh  | TV HĐQT          | 16/6/2025                                             |                 | 25/6/2020              |
| 4   | Ông Lê Đức Quang     | TV HĐQT          | 27/4/2021                                             |                 | 25/6/2020              |
| 5   | Bà Đỗ Thị Hoa        | TV HĐQT độc lập  |                                                       |                 | 27/4/2021              |
| 6   | Ông Nguyễn Đức Thuận | TV HĐQT          |                                                       |                 | 10/01/2024             |



| Stt | Thành viên HĐQT  | Chức vụ         | Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT/<br>TV HĐQT độc lập |                 |                        |
|-----|------------------|-----------------|-------------------------------------------------------|-----------------|------------------------|
|     |                  |                 | Ngày bổ nhiệm                                         | Ngày miễn nhiệm | Ngày bổ nhiệm đầu tiên |
| 7   | Ông Lê Việt Dũng | TV HĐQT độc lập |                                                       |                 | 16/6/2025              |
| 8   | Ông Trương Hồng  | TV HĐQT độc lập | 27/4/2021                                             | 16/6/2025       |                        |

- Cơ cấu TV HĐQT:

| Stt | Tiêu chí/Họ và tên                        | Trần Ngọc Nguyên                                                                                      | Văn Tiến Thanh                                       | Nguyễn Đức Hạnh                                         | Lê Đức Quang                                                                          | Đỗ Thị Hoa                                                              | Lê Việt Dũng                                                             | Nguyễn Đức Thuận                                             |
|-----|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1   | Chức vụ trong HĐQT/Tham gia ban điều hành | Chủ tịch/không điều hành                                                                              | TV kiêm TGD                                          | TV không điều hành                                      | TV không điều hành                                                                    | TV độc lập                                                              | TV độc lập                                                               | TV không điều hành                                           |
| 2   | Giới tính                                 | Nam                                                                                                   | Nam                                                  | Nam                                                     | Nam                                                                                   | Nữ                                                                      | Nam                                                                      | Nam                                                          |
| 3   | Độ tuổi                                   | 48                                                                                                    | 57                                                   | 53                                                      | 50                                                                                    | 65                                                                      | 66                                                                       | 51                                                           |
| 4   | Lĩnh vực chuyên môn                       | Tiến sĩ Kỹ thuật hóa học, Thạc sĩ Lọc hóa dầu, Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Chứng nhận TV HĐQT (DCP-VIOD) | Kỹ sư Cơ khí Nông Lâm, Chứng nhận TV HĐQT (DCP-VIOD) | Kỹ sư Kinh tế năng lượng, Chứng nhận TV HĐQT (DCP-VIOD) | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Công nghệ - Hóa dầu, Chứng nhận TV HĐQT (DCP-VIOD) | Cử nhân chuyên ngành Kế toán công nghiệp, Chứng nhận TV HĐQT (DCP-VIOD) | Phó giáo sư Nông nghiệp, Tiến sĩ Nông học, Chứng nhận TV HĐQT (DCP-VIOD) | Kỹ sư Kinh tế Vận tải thủy bộ, Chứng nhận TV HĐQT (DCP-VIOD) |
| 5   | UB KT                                     | -                                                                                                     | -                                                    | -                                                       |                                                                                       | Chủ tịch                                                                | TV                                                                       | TV                                                           |
| 6   | UB ĐCLT                                   | -                                                                                                     | -                                                    | -                                                       | -                                                                                     | TV                                                                      | Chủ tịch                                                                 | -                                                            |
| 7   | UB ESG                                    | -                                                                                                     | -                                                    | Chủ tịch                                                | TV                                                                                    | -                                                                       | -                                                                        | -                                                            |
| 8   | UB QLRR                                   | -                                                                                                     | -                                                    | -                                                       | TV                                                                                    | TV                                                                      | Chủ tịch                                                                 | -                                                            |
| 9   | Nắm giữ chức vụ quản lý tại Công ty khác  | không                                                                                                 | không                                                | không                                                   | không                                                                                 | không                                                                   | không                                                                    | Không (miễn nhiệm chức Chủ tịch HĐQT PPC từ ngày 22/5/2025)  |

### 1.2. Thư ký quản trị công ty - Người phụ trách quản trị công ty.

HDQT đã bổ nhiệm 01 Người phụ trách về quản trị công ty kiêm Thư ký quản trị công ty, thông tin về nhân sự đảm nhiệm như sau:

| Stt | Họ và tên         | Giới tính | Chuyên ngành đào tạo                                                                                                                                                                                                                    | Kinh nghiệm làm việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|-------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ông Đỗ Thành Hưng | Nam       | <ul style="list-style-type: none"><li>- Kỹ sư Công nghệ Lọc - Hóa dầu.</li><li>- Cử nhân Kinh tế chính trị.</li><li>- Thạc sĩ QKTD.</li><li>- Chuyên sâu về Thư ký Công ty (CSMP-VIOD)</li><li>- Chứng nhận TVHDQT (DCP-VIOD)</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nghiên cứu, phân tích về chất lượng dầu thô và sản phẩm dầu mỏ.</li><li>- Nghiên cứu, đánh giá, phân tích về thị trường dầu mỏ và sản phẩm dầu; thiết lập, thẩm định và quản lý dự án đầu tư.</li><li>- Đề xuất, triển khai, quản lý khoản đầu tư dự án, đầu tư tài chính và dịch vụ tài chính trong Công ty tài chính.</li><li>- Quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng, xử lý nợ có vấn đề.</li><li>- Quản lý hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.</li><li>- Thư ký công ty (từ tháng 01/2016 đến nay).</li><li>- Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng HDQT (từ tháng 6/2024 đến nay).</li></ul> |

### 2. Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác của các TV HDQT và xung đột lợi ích liên quan đến PVCFC:

| Stt | Thành viên HDQT      | Sở hữu, nắm giữ các chức vụ quản lý, điều hành tại các công ty niêm yết khác | Xung đột lợi ích với PVCFC |
|-----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 1   | Ông Trần Ngọc Nguyên | Không                                                                        | Không                      |
| 2   | Ông Văn Tiến Thanh   | Không                                                                        | Không                      |
| 3   | Ông Nguyễn Đức Hạnh  | Không                                                                        | Không                      |
| 4   | Ông Lê Đức Quang     | Không                                                                        | Không                      |
| 5   | Ông Lê Việt Dũng     | Không                                                                        | Không                      |
| 6   | Bà Đỗ Thị Hoa        | Không                                                                        | Không                      |
| 7   | Ông Nguyễn Đức Thuận | Chủ tịch HDQT công ty con PPC (miễn nhiệm kể từ ngày 22/5/2025)              | Không                      |

### 3. Các cuộc họp và hoạt động của HDQT:

| Stt | Thành viên HDQT      | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự đầy đủ |
|-----|----------------------|---------------------|-------|----------------------------|
| 1   | Ông Trần Ngọc Nguyên | 17/17               | 100%  |                            |
| 2   | Ông Văn Tiến Thanh   | 17/17               | 100%  |                            |

| Stt | Thành viên HĐQT      | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự đầy đủ   |
|-----|----------------------|---------------------|-------|------------------------------|
| 3   | Ông Nguyễn Đức Hạnh  | 17/17               | 100%  |                              |
| 4   | Ông Lê Đức Quang     | 17/17               | 100%  |                              |
| 5   | Bà Đỗ Thị Hoa        | 17/17               | 100%  |                              |
| 6   | Ông Nguyễn Đức Thuận | 17/17               | 100%  |                              |
| 7   | Ông Lê Việt Dũng     | 12/17               | 70%   | Bỏ nhiệm từ ngày 16/6/2025   |
| 8   | Ông Trương Hồng      | 05/17               | 30%   | Miễn nhiệm từ ngày 16/6/2025 |

Các TV HĐQT tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT, tài liệu phiên họp được gửi đến các thành viên trước khi họp 05 ngày và cập nhật đến trước khi họp.

Trong năm 2025, dưới sự chủ trì của Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT không điều hành đã tổ chức 02 cuộc họp để trao đổi thảo luận về rà soát chế độ chính sách cho các nhân sự quản lý cấp cao và công tác quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT, thảo luận về hoạt động của Ban điều hành, các vấn đề chiến lược và quản trị trọng yếu, cũng như đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản trị công ty (Biên bản họp số 02/BB-PVCFC ngày 23/01/2025 và số 11/BB-PVCFC ngày 30/6/2025).

Trong số 07 thành viên HĐQT có 06 thành viên không nắm giữ các chức vụ quản lý, điều hành tại các công ty khác liên quan; không sở hữu chéo đối với nhà cung cấp hoặc các bên liên quan. Riêng TV HĐQT Nguyễn Đức Thuận kiêm giữ chức Chủ tịch HĐQT PPC, đến ngày 22/5/2025 tại phiên họp thường niên, ĐHĐCĐ của PPC đã bỏ phiếu miễn nhiệm.

HĐQT quyết định thực hiện việc chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức năm 2024 bằng tiền ngày 30/6/2025 và thực hiện chi trả ngày 15/7/2025 (Quyết định số 1396/QĐ-PVCFC ngày 17/6/2025). Quyết định chi trả cổ tức trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên (ngày 16/6/2025) của HĐQT đã thể hiện cam kết vượt lên trên sự tuân thủ nhằm mang đến lợi ích sớm nhất có thể cho cổ đông của PVCFC (Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định trả cổ tức trong vòng 06 tháng, Điều lệ PVCFC quy định trong vòng 03 tháng kể từ ngày tổ chức ĐHĐCĐ).

HĐQT đã chỉ đạo ban ĐH thực hiện việc ký kết Sửa đổi, bổ sung số 11 - Hợp đồng mua bán khí PM3 CAA và Lô 46 Cái Nước sau khi ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 thông qua.

HĐQT nhận thức rằng biến đổi khí hậu là vấn đề trọng yếu hiện nay. Tháng 05/2025, PVCFC đã ban hành báo cáo phát triển bền vững và công bố thông tin đúng quy định trong đó đã khẳng định sự cam kết mạnh mẽ của HĐQT trong việc thực hiện trách nhiệm đối với các vấn đề về môi trường và xã hội. Tại Cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết năm 2025 (Vietnam Listed Company Awards - VLCA), PVCFC đã vinh dự đạt Giải Nhất Báo cáo Phát triển bền vững - nhóm ngành phi tài chính.

PVCFC đã xây dựng chuyên mục về Phát triển bền vững trên website, trong đó cập nhật báo cáo PTBV hàng năm, các báo cáo kết quả về đo đạc môi trường định kỳ nhằm thể hiện sự cam kết và tuân thủ tốt các vấn đề về môi trường, xã hội, quản trị và



biến đổi khí hậu.

Ngoài phiên họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, PVCFC đã thường xuyên tổ chức gặp mặt nhà đầu tư, chuyên viên phân tích về chứng khoán để tạo điều kiện cho cổ đông và nhà đầu tư có thể nắm bắt và trao đổi thông tin tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của PVCFC.

Tại phiên họp định kỳ tháng 08/2025, tháng 11/2025 và tháng 12/2025, HĐQT đã thực hiện việc rà soát các hoạt động để đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển của PVCFC. Ngoài ra, HĐQT đã xem xét, thảo luận và chỉ đạo ban ĐH triển khai xây dựng chiến lược chức năng tại các phiên họp định kỳ tháng 06/2025 và tháng 10/2025.

HĐQT đã triển khai đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các Thành viên HĐQT, các Ủy ban, Thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng năm 2025 tại phiên họp tháng 12/2025 (Nghị quyết phiên họp HĐQT số 02/NQ-PVCFC ngày 05/01/2026). Theo đó, hiệu quả hoạt động của HĐQT đã được khẳng định bằng các giải thưởng nổi bật mà PVCFC được vinh danh trong công tác quản trị công ty như: Top 05 doanh nghiệp Việt Nam đạt điểm cao nhất theo thể điểm quản trị ASEAN; Top 10 doanh nghiệp bền vững năm 2025 lĩnh vực sản xuất; Top 05 Doanh nghiệp thực hiện quản trị công ty bút phá năm 2025; Top 08 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất.

PVCFC thực hiện việc công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn theo quy định và không bị phạt hay bị nhắc nhở.

PVCFC chưa ghi nhận bất kỳ thông tin/kết án nào về giao dịch nội gián liên quan đến người nội bộ và nhân viên trong ba năm qua.

#### **4. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT:**

- Trong năm 2025, HĐQT đã tiến hành cơ cấu lại các Ủy ban chuyên môn. Theo đó, chấm dứt hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro để thành lập UB KT và UB QLRR; Đổi tên Ủy ban Nhân sự - Lương thưởng thành UB ĐCLT.

- Hiện PVCFC có 04 Ủy ban trực thuộc HĐQT gồm: UB KT; UB QLRR; UB ĐCLT và UB ESG. Trong đó, Thành viên của các Ủy ban đều là TV HĐQT không điều hành; Chủ tịch UB KT là TV HĐQT độc lập Đỗ Thị Hoa; Chủ tịch UB ĐCLT và UB QLRR là TV HĐQT độc lập Lê Việt Dũng; Chủ tịch UB ESG là TV HĐQT Nguyễn Đức Hạnh.

- Cơ cấu, quy mô thành phần của các Ủy ban là phù hợp với điều kiện thực tế của PVCFC. Hoạt động của các Ủy ban giúp HĐQT phát huy được sức mạnh tổng hợp, nâng cao vai trò và phát huy hiệu quả năng lực quản trị của PVCFC.

#### **5. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc.**

Căn cứ Điều lệ PVCFC và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của TGD và Ban Điều hành (BDH) trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT trong năm 2025 như sau:

- o Phương thức giám sát:

- HĐQT phân công cho từng thành viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực cụ thể và thông qua các Ủy ban để thực hiện việc giám sát Tổng giám đốc và Ban điều hành trong tổ chức, triển khai và thực hiện các nghị quyết của HĐQT. HĐQT đưa ra các nội dung mà BDH phải chuẩn bị để trình bày/thảo luận/chất vấn tại cuộc họp HĐQT. Trước các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng tháng, các thành viên HĐQT gửi báo cáo giám sát



cho HĐQT. Tại các cuộc họp, HĐQT điều soát xét tình hình thực hiện các nghị quyết, tình hình SXKD của tháng, quý và các kiến nghị của các thành viên HĐQT, thảo luận và quyết định thông qua các nghị quyết để Tổng Giám đốc và BDH làm cơ sở triển khai thực hiện. Ngoài ra, các Ủy ban của HĐQT cũng trao đổi với thành viên BDH về các nội dung, vấn đề quan tâm giám sát.

- Tham dự các cuộc họp thường kỳ của BDH về hoạt động SXKD và giao ban định kỳ.

- Việc giám sát các hoạt động của TGD và BDH được HĐQT thực hiện thường xuyên, liên tục, đảm bảo cho việc điều hành toàn bộ các hoạt động của PVCFC được thông suốt.

- o Nội dung giám sát:

- Giám sát tình hình thực hiện các định hướng chiến lược doanh nghiệp.

- Giám sát về hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định, chủ trương của HĐQT, tình hình đảm bảo việc làm cho người lao động, an toàn lao động, quyền con người, chế độ lương thưởng, mức độ phù hợp của cấu trúc vốn trong việc đáp ứng các mục tiêu chiến lược, ...

- Giám sát hoạt động quản lý rủi ro trên các mặt hoạt động của PVCFC (bao gồm cả các rủi ro về an ninh mạng, rủi ro về biến đổi khí hậu).

- Giám sát tình hình triển khai thực hiện và các vấn đề liên quan đến ESG.

- Cập nhật, ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp với tình hình mới, phân cấp quản lý để tạo điều kiện thuận lợi cho TGD triển khai thực hiện.

- Hỗ trợ kịp thời đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của TGD, bộ máy giúp việc cho TGD và Người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của PVCFC.

- Xem xét, giám sát các báo cáo về tình hình hoạt động SXKD hàng tháng, 06 tháng và năm 2025; Báo cáo tài chính năm 2024, quý I, II, III/2025 của PVCFC.

- o Kết quả giám sát:

- Với những kết quả đạt được trong năm 2025, HĐQT đã thảo luận và đánh giá: TGD và BDH đã đảm bảo được hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu sản xuất, tiêu thụ, đảm bảo việc làm cho người lao động, đảm bảo an toàn sức khỏe nhân viên và kinh doanh có trách nhiệm cao với các bên liên quan, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của PVCFC.

- Trong năm 2025, PVCFC không vi phạm các quy định của pháp luật về an toàn lao động, quyền con người; không sử dụng lao động trẻ em và không cưỡng bức lao động; không vi phạm quy định và không bị phạt về vấn đề môi trường.

## **6. Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.**

### **6.1. Hoạt động của UB KT:**

- Ngoài việc thường xuyên trao đổi, thảo luận từng vấn đề cụ thể giữa các thành viên liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Ủy ban, trong năm 2025 UB KT đã tổ chức 06 cuộc họp, trong đó: (i) Giám sát, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính thông qua báo cáo tài chính năm 2024, quý I, II, III/2025 của PVCFC trên các khía cạnh: (a) Báo cáo tài chính đã trình bày một cách trung thực và hợp lý; (b) Giao dịch với các bên liên quan thực hiện theo nguyên tắc giá thị trường, công khai và minh bạch



khi lựa chọn nhà cung cấp để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của PVCFC và từng bước tích hợp ESG mà các nhà cung cấp phải đáp ứng khi làm việc với PVCFC; (c) PVCFC không thực hiện việc cho vay cá nhân là cán bộ, nhân viên của PVCFC (bao gồm: HĐQT, BĐH và người lao động); (d) PVCFC luôn thanh toán vốn vay và lãi vay đúng hạn, xếp hạng của PVCFC luôn ở mức cao nên các tổ chức tín dụng sẵn sàng cho vay mà không cần tài sản đảm bảo; (e) PVCFC luôn sử dụng các nguồn vốn một cách phù hợp, đặc biệt trong việc sử dụng nguồn vốn với mục đích dài hạn để đảm bảo cơ cấu vốn luôn an toàn cho các hoạt động của PVCFC một cách bền vững; (ii) Thông qua kết quả kiểm toán Trung tâm nghiên cứu - phát triển; (iv) Phân công nhiệm vụ của UB khi có thành viên mới được bổ nhiệm.

- UB KT đã thực hiện việc rà soát giao dịch trọng yếu với bên có liên quan định kỳ hàng quý, đối với các giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT phát sinh năm 2025 và dự kiến phát sinh năm 2026 để đảm bảo các giao dịch này đều thực hiện theo đúng quy định PVCFC đảm bảo theo nguyên tắc giá thị trường, phục vụ lợi ích tốt nhất cho PVCFC và cổ đông.

- Giám sát hoạt động của Ban KTNB và thông qua báo cáo từng cuộc kiểm toán, phê duyệt chỉ thị thực hiện kiến nghị của KTNB, chỉ đạo Ban TGD tổ chức thực hiện các kiến nghị của KTNB, có biện pháp xử lý kịp thời khi có các kiến nghị, đề xuất của KTNB.

- Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của PVCFC, sau một thời gian hoạt động để đảm bảo tính khách quan, PVCFC thuê IIA Việt Nam đánh giá, kết quả như sau:

- + Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện theo 5 cấu phần và 17 nguyên tắc theo khung COSO 2013. Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng công ty ghi nhận ở mức điểm tổng thể 4,2/5,0 tương ứng với cấp độ trưởng thành “được giám sát” theo khung COSO 2013.

- + Kiểm toán nội bộ của PVCFC đã đáp ứng được các chức năng cốt lõi của một Ban KTNB hoạt động hiệu quả và đã thể hiện sự tuân thủ đối với đa số các Chuẩn mực.

Kết quả đánh giá chất lượng - Tuân thủ về mặt tổng thể: Dựa trên dữ liệu thu thập thông qua các cuộc khảo sát thường niên về hiện trạng triển khai hoạt động KTNB của các doanh nghiệp Việt Nam, mức độ trưởng thành Ban KTNB của PVCFC cao hơn ở phần lớn các khía cạnh, cụ thể mức độ trưởng thành trên khung điểm 5 và so với doanh nghiệp niêm yết trên HNX cao nhất như sau: Quản trị hoạt động KTNB: 4.2/4.2; Nhân lực KTNB: 3.6/3.8; Quản lý hoạt động kiểm toán nội bộ 4.0/3.9; Quy trình KTNB và công nghệ thông tin 4.2/3.8.

- + Quản trị rủi ro tại PVCFC đạt mức “Được giám sát” (4,1 điểm) nhờ khung quản trị rủi ro được thiết lập vững chắc với Tuyên bố khẩu vị rủi ro, thước đo rủi ro và quy chế/quy trình QTRR được cập nhật, thiết bị mô hình 3 tuyến và tích hợp ESG vào khung quản trị rủi ro.

Tuy đã đạt được thành tích cao so với các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán, Hệ thống kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro cần khắc phục một số tồn tại nêu tại báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm toán năm 2025.

## 6.2. Hoạt động của UB ĐCLT.

Ngoài việc thường xuyên trao đổi, thảo luận từng vấn đề cụ thể giữa các thành viên, trong năm 2025 UB ĐCLT đã tổ chức 03 cuộc họp, trong đó tập trung xem xét các vấn đề sau:



- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác nhân sự cho phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025:

+ UB ĐCLT đã tham gia tích cực trong việc xây dựng tiêu chí và trình tự lựa chọn ứng viên cho vị trí TV HĐQT và ban hành kèm theo Quy chế hoạt động của UB ĐCLT (theo Quyết định số 513/QĐ-PVCFC ngày 10/3/2025) để triển khai thực hiện cho kỳ ĐHĐCĐ năm 2025.

+ UB ĐCLT thực hiện gửi thư tới các đơn vị thứ 3 độc lập bên ngoài đề nghị giới thiệu ứng cử viên phù hợp với vị trí TV HĐQT/TV HĐQT độc lập và rà soát các ứng viên để giới thiệu cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Ngày 16/6/2025, ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã bầu Ông Nguyễn Đức Hạnh tiếp tục tham gia là TV HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030; ông Lê Việt Dũng là TV HĐQT độc lập thay thế TV độc lập Trương Hồng từ nhiệm. Trình tự, thủ tục triển khai công tác nhân sự cho ĐHĐCĐ 2025 tại PVCFC được thực hiện công khai, minh bạch và công bố thông tin đúng quy định.

- Tham gia có ý kiến trong việc tái bổ nhiệm/bổ nhiệm các Phó Tổng giám đốc và người quản lý khác đảm bảo thủ tục, trình tự thực hiện công tác cán bộ tại PVCFC luôn công khai, minh bạch và tuân thủ các quy định.

- Tham gia rà soát, đánh giá các vấn đề liên quan đến lương thưởng, chế độ chính sách đối với Ban quản lý điều hành (QLĐH), người lao động; các chính sách và hoạt động lương thưởng cho lãnh đạo cấp cao của PVCFC và được trong báo cáo thường niên năm 2024 đảm bảo theo quy định của PVCFC và phù hợp với quy định của Pháp luật.

- UB ĐCLT đã triển khai đánh giá cơ cấu của HĐQT và các ủy ban chuyên môn trong năm 2025 để đảm bảo cơ cấu hiện tại của HĐQT và các ủy ban đáp ứng các tiêu chí về nhóm năng lực cốt lõi và tính đa dạng trong HĐQT theo các thông lệ quản trị tiên tiến. Đồng thời dựa trên đánh giá về nhóm năng lực và tính đa dạng trong HĐQT, UB ĐCLT đã xem xét và đề xuất HĐQT phê duyệt tiêu chí để lựa chọn TV HĐQT để giới thiệu cho ĐHĐCĐ thường niên 2026 (Biên bản họp số 03/BB-UBĐCLT ngày 09/12/2025).

### 6.3. Hoạt động của UB ESG:

Trong năm 2025, UB ESG đã họp 04 cuộc họp để (i) Xem xét nội dung phát triển bền vững trong Báo cáo thường niên năm 2024; (ii) Xem xét và đề xuất HĐQT phê duyệt Báo cáo PTBV năm 2024; (iii) Xem xét và đề xuất khung báo cáo thường niên, báo cáo PTBV năm 2025 của PVCFC. Căn cứ trên đề xuất của UB ESG, HĐQT đã thông qua Báo cáo thường niên năm 2024 (tại Nghị quyết số 599/NQ-PVCFC ngày 19/3/2025); Báo cáo PTBV năm 2024 của PVCFC (tại Nghị quyết số 940/NQ-PVCFC ngày 24/4/2025) và khung báo cáo thường niên, báo cáo PTBV năm 2025 (tại Nghị quyết số 2398/NQ-PVCFC ngày 03/10/2025); (iv) Rà soát Quy chế phân quyền và các quy chế nội bộ khác.

UB ESG đã tham gia tích cực trong việc rà soát, đánh giá và tham vấn cho HĐQT trong việc ban hành các văn bản quy phạm nội bộ của PVCFC, trong đó có Bộ Quy tắc ứng xử kinh doanh (COC), Quy chế phân quyền và các chính sách khác liên quan đến công tác quản trị công ty.

### 6.4. Hoạt động của UB QLRR.

UB QLRR được HĐQT thành lập theo Quyết định số 2137/NQ-PVCFC ngày 03/9/2025 trên cơ sở tách từ Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro nhằm thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT về lĩnh vực quản trị rủi ro của PVCFC.



UB QLRR đã tham gia rà soát, đánh giá về hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ hiện có của PVCFC. Theo đó, năm 2025 PVCFC đã triển khai nhiều hoạt động để tiếp tục hoàn thiện và chuẩn hóa hệ thống quản trị rủi ro như: (i) Xem xét các vấn đề trọng yếu về quản trị rủi ro và tích hợp rủi ro phát triển bền vững vào khung quản trị rủi ro của PVCFC, qua đó đưa ra các nhận xét kiến nghị để Ban điều hành tổ chức thực hiện; (ii) Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ theo khung COSO nhằm xác định mức độ trưởng thành và đưa ra những đề xuất kiến nghị phù hợp để tiếp tục cải thiện hệ thống của PVCFC; (iii) Quản lý hồ sơ rủi ro, báo cáo rủi ro bằng các công cụ điện tử (E-Office) để cập nhật nhanh chóng, kịp thời những thay đổi liên quan đến hồ sơ rủi ro của PVCFC.

UB QLRR đã tham gia rà soát và có ý kiến về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị rủi ro của PVCFC, căn cứ theo đề xuất của UB QLRR HĐQT đã ban hành Quy chế quản trị rủi ro tại Quyết định số 2444/QĐ-PVCFC ngày 09/10/2025.

UB đã tham gia giám sát và đánh giá quản trị rủi ro của PVCFC trên các lĩnh vực (i) Quy trình và chính sách nhận diện rủi ro; (ii) Kết quả thực hiện của Ban quản lý điều hành đến chính sách quản trị rủi ro của PVCFC; (iii) Theo dõi hoạt động của bộ phận quản trị rủi ro.

## **7. Đánh giá mức độ tuân thủ một số quy định khác**

PVCFC ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, và các quy chế khác để đảm bảo rằng mọi hoạt động của PVCFC được giám sát và thực hiện đúng theo các quy định của Pháp luật và quy tắc quản trị.

Trong năm 2025, PVCFC đã thực hiện đầy đủ các hoạt động về quản trị công ty theo quy định được đề cập tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, tuân thủ các quy định được nêu trong các quy chế khác do PVCFC ban hành.

### **7.1. Các hoạt động phù hợp với Chiến lược, Tầm nhìn và Sứ mệnh**

- HĐQT luôn giám sát các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu, phát triển nhằm đưa ra các sản phẩm phân bón mới phù hợp với Chiến lược, Tầm nhìn và Sứ mệnh “Cung cấp giải pháp dinh dưỡng cho cây trồng” của PVCFC. Kết quả thực hiện trong năm 2025 không có hoạt động nào không phù hợp cần HĐQT phải nhắc nhở và điều chỉnh.

### **7.2. Các giao dịch nội gián và hành vi tham nhũng**

- PVCFC đã cập nhật và ban hành Quy chế cảnh báo sai phạm (Nghị quyết số 2957/NQ-PVCFC ngày 28/11/2025) và thành lập Hội đồng xử lý sai phạm (Quyết định số 2958/QĐ-PVCFC ngày 28/11/2025) nhằm nhanh chóng phát hiện sớm và điều chỉnh hành vi, thúc đẩy, có phương án xử lý để nâng cao ý thức làm chủ của cán bộ nhân viên và tính chủ động, tự tin trong việc đưa ra các phản hồi tới các cấp quản lý và lãnh đạo, qua đó gia tăng hiệu quả quản lý điều hành, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bảo vệ và nâng cao danh tiếng, uy tín của PVCFC. Ban hành quy trình cảnh báo sai phạm để triển khai thực hiện. Theo báo cáo của Hội đồng xử lý sai phạm trong năm 2025, bộ phận tiếp nhận cảnh báo sai phạm không tiếp nhận thông tin nào về hành vi tham nhũng hay có bất kỳ giao dịch nội gián nào liên quan đến thành viên HĐQT, Ban điều hành và nhân viên. PVCFC cũng không nhận được bất kỳ phản ánh hay kết luận nào của cơ quan quản lý về các hành vi vi phạm này.

### **7.3. Các giao dịch với các bên liên quan**

- UB KT cùng với Ban kiểm soát đã thực hiện việc rà soát các giao dịch của PVCFC với các bên liên quan, xem xét các báo cáo tài chính năm 2024, quý I, II, III/2025



nhằm đảm bảo các giao dịch được thực hiện và công bố thông tin theo đúng các quy định hiện hành và mang lại lợi ích tốt nhất cho PVCFC và cổ đông.

- Giao dịch với các bên liên quan đều thực hiện theo các nguyên tắc được quy định trong Quy chế mua sắm tài sản, hàng hóa và thuê dịch vụ, đảm bảo công khai, công bằng và minh bạch khi lựa chọn nhà cung cấp, để đáp ứng yêu cầu công việc, theo định hướng chiến lược phát triển của PVCFC có tích hợp phát triển bền vững (ESG) mà các nhà cung cấp phải đáp ứng khi làm việc cùng với PVCFC.

- HĐQT đã thông qua hợp đồng/giao dịch với các bên liên quan trong đó có các tổ chức là cổ đông lớn và công ty con của cổ đông lớn. Đối với quyết định này, chỉ các Thành viên HĐQT độc lập được quyền biểu quyết, các thành viên HĐQT là người đại diện phần vốn của cổ đông lớn không thực hiện biểu quyết. Nghị quyết thông qua hợp đồng/giao dịch với các bên liên quan được PVCFC công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành.

- Kể từ khi thành lập UB KT (tháng 8/2021) đến nay, PVCFC không có giao dịch nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu. Các giao dịch với bên liên quan đều được thực hiện bằng hình thức đấu thầu hoặc chào giá cạnh tranh, đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.

#### 7.4. Cho vay đối với TV HĐQT/BĐH và người lao động

Quy chế quản lý tài chính của PVCFC quy định: PVCFC không thực hiện việc cho vay cá nhân là cán bộ công nhân viên (bao gồm cả TV HĐQT, BĐH và người lao động). Kết quả thực hiện: PVCFC không thực hiện việc cho vay cho các cá nhân như đúng theo quy định.

#### 7.5. Về nguồn vốn và cơ cấu nợ vay

PVCFC luôn sử dụng các nguồn vốn một cách phù hợp, hiệu quả, đặc biệt trong việc sử dụng nguồn vốn với mục đích dài hạn để đảm bảo cơ cấu vốn luôn an toàn cho các hoạt động của PVCFC một cách bền vững. HĐQT thực hiện việc đánh giá cơ cấu nguồn vốn của PVCFC định kỳ để đảm bảo phù hợp với chiến lược kinh doanh dài hạn cũng như khẩu vị rủi ro mà PVCFC đã xác định.

#### 7.6. Đảm bảo quyền lợi của chủ nợ

Với mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên PVCFC ban hành quy chế quản lý tài chính trong đó quy định rõ việc quản lý các khoản nợ phải trả.

Trong năm 2025, để sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh PVCFC đã thực hiện huy động nguồn vốn vay từ các ngân hàng và thực hiện thanh toán gốc và lãi vay đúng hạn.

Đối với các công ty con của PVCFC, các khoản vay cũng luôn được thanh toán đúng hạn và đảm bảo quyền lợi cho các tổ chức tín dụng với chất lượng tài sản đảm bảo cao (dây chuyền máy móc, quyền tài sản liên quan tới đất).

### **8. Các Nghị quyết/Quyết định do Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2025:**

Trong năm 2025, HĐQT tiếp nhận 83 tờ trình/báo cáo của TGD, đã ban hành 138 Nghị quyết/Quyết định về các mặt hoạt động của PVCFC để TGD triển khai thực hiện. Một số NQ/QĐ quan trọng như sau:



| Stt | Số và ký hiệu | Ngày/tháng/năm | Trích yếu                                                                              |
|-----|---------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | 180/NQ-PVCFC  | 22/01/2025     | Nghị quyết phiên họp HĐQT tháng 1/2025                                                 |
| 2.  | 432/NQ-PVCFC  | 03/3/2025      | Nghị quyết phiên họp HĐQT tháng 2/2025                                                 |
| 3.  | 513/QĐ-PVCFC  | 10/3/2025      | Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của UB NSLT                           |
| 4.  | 527/QĐ-PVCFC  | 11/3/2025      | Quyết định ban hành bộ quy tắc ứng xử kinh doanh                                       |
| 5.  | 528/QĐ-PVCFC  | 11/3/2025      | Quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của UB KT&QTRR                        |
| 6.  | 599/NQ-PVCFC  | 19/3/2025      | Nghị quyết thông qua các nội dung báo cáo thường niên năm 2024                         |
| 7.  | 673/NQ-PVCFC  | 28/3/2025      | Nghị quyết phiên họp HĐQT tháng 3/2025                                                 |
| 8.  | 675/NQ-PVCFC  | 28/3/2025      | Nghị quyết thông qua các nội dung ĐHĐCĐ thường niên 2025 của PPC                       |
| 9.  | 676/QĐ-PVCFC  | 28/3/2025      | Quyết định phê duyệt KH hoạt động năm 2025 của Ban KS PPC                              |
| 10. | 677/QĐ-PVCFC  | 28/3/2025      | Quyết định phê duyệt KH hoạt động năm 2025 của Ban KS KVF                              |
| 11. | 723/NQ-PVCFC  | 01/4/2025      | Nghị quyết thống nhất báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2025 miễn nhiệm Ông Trương Hồng        |
| 12. | 725/NQ-PVCFC  | 01/4/2025      | Nghị quyết phê duyệt chương trình hành động thực hiện công tác năm 2025 của HĐQT PVCFC |
| 13. | 753/NQ-PVCFC  | 04/4/2025      | Nghị quyết gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025                            |
| 14. | 866/NQ-PVCFC  | 17/4/2025      | Nghị quyết phiên họp HĐQT bất thường tháng 4                                           |
| 15. | 867/NQ-PVCFC  | 17/4/2025      | Nghị quyết phê duyệt KH tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025                             |
| 16. | 939/NQ-PVCFC  | 24/4/2025      | Nghị quyết phiên họp định kỳ HĐQT tháng 4                                              |
| 17. | 1000/NQ-PVCFC | 29/4/2025      | Nghị quyết phê duyệt nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025                  |
| 18. | 1056/NQ-PVCFC | 12/5/2025      | Nghị quyết công tác nhân sự NDD phân vốn của PVCFC tại PPC                             |

| Stt | Số và ký hiệu | Ngày/tháng/năm | Trích yếu                                                                                                                   |
|-----|---------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19. | 1058/NQ-PVCFC | 12/5/2025      | Nghị quyết chấp thuận chủ trương công tác nhân sự của PVCFC- Phó TGD                                                        |
| 20. | 1059/NQ-PVCFC | 12/5/2025      | Nghị quyết chấp thuận chủ trương công tác nhân sự của PVCFC-ĐHĐCĐ                                                           |
| 21. | 1201/NQ-PVCFC | 26/5/2025      | Nghị quyết phiên họp HĐQT định kỳ tháng 5/2025                                                                              |
| 22. | 1205/QĐ-PVCFC | 27/5/2025      | Quyết định về công tác cán bộ đối với ông Lê Ngọc Minh Trí                                                                  |
| 23. | 1243/NQ-PVCFC | 02/6/2025      | Nghị quyết về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ                                                                            |
| 24. | 1244/QĐ-PVCFC | 02/6/2025      | Quyết định bổ nhiệm lại ông Trần Chí Nguyên giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty                                              |
| 25. | 1245/QĐ-PVCFC | 02/6/2025      | Quyết định bổ nhiệm lại ông Nguyễn Thanh Tùng giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty                                            |
| 26. | 1249/QĐ-PVCFC | 02/6/2025      | Quyết định bổ nhiệm ông Trần Thế Cường, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Chuyên Ngành giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty          |
| 27. | 1301/QĐ-PVCFC | 06/6/2025      | Quyết định triệu tập và phân công nhiệm vụ tại ĐHĐCĐ thường niên 2025                                                       |
| 28. | 1383/QĐ-PVCFC | 16/6/2025      | Quyết định phê duyệt và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty                                                         |
| 29. | 1384/QĐ-PVCFC | 16/6/2025      | Quyết định phê duyệt và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị                                                    |
| 30. | 1395/NQ-PVCFC | 17/6/2025      | Nghị quyết phiên họp HĐQT bất thường tháng 6/2025                                                                           |
| 31. | 1396/QĐ-PVCFC | 17/6/2025      | Quyết định thanh toán cổ tức năm 2024 bằng tiền cho cổ đông                                                                 |
| 32. | 1400/QĐ-PVCFC | 17/6/2025      | Quyết định kiện toàn nhân sự Ủy ban Kiểm toán và Quản trị rủi ro                                                            |
| 33. | 1401/QĐ-PVCFC | 17/6/2025      | Quyết định phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn trong Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau |
| 34. | 1403/QĐ-PVCFC | 17/6/2025      | Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Nhân sự - Lương thưởng                                                                  |
| 35. | 1404/QĐ-PVCFC | 17/6/2025      | Quyết định kiện toàn nhân sự Ủy ban Nhân sự - Lương thưởng                                                                  |



| Stt | Số và ký hiệu | Ngày/tháng/năm | Trích yếu                                                                                                           |
|-----|---------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 36. | 1558/NQ-PVCFC | 02/7/2025      | Nghị quyết phiên họp HĐQT định kỳ tháng 6/2025                                                                      |
| 37. | 1561/QĐ-PVCFC | 02/7/2025      | Quyết định kiện toàn nhân sự Hội đồng cảnh báo sai phạm của PVCFC                                                   |
| 38. | 1562/QĐ-PVCFC | 02/7/2025      | Quyết định phê duyệt danh sách tổ chức tín dụng và hạn mức tiền gửi tối đa từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 30/6/2026 |
| 39. | 1663/QĐ-PVCFC | 14/7/2025      | Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp (NCC) Đơn hàng “Cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2025         |
| 40. | 1836/NQ-PVCFC | 31/7/2025      | Nghị quyết phiên họp HĐQT định kỳ tháng 7/2025                                                                      |
| 41. | 1841/QĐ-PVCFC | 31/7/2025      | Quyết định về việc đổi tên Ban KHĐT                                                                                 |
| 42. | 2130/NQ-PVCFC | 03/9/2025      | Nghị quyết phiên họp HĐQT định kỳ tháng 8/2025;                                                                     |
| 43. | 2133/NQ-PVCFC | 03/9/2025      | Quyết định đổi tên UB Nhân sự - Lương thưởng                                                                        |
| 44. | 2134/NQ-PVCFC | 03/9/2025      | Quyết định chấm dứt hoạt động của UB KT&QTRR;                                                                       |
| 45. | 2136/NQ-PVCFC | 03/9/2025      | Quyết định thành lập Ủy ban Kiểm toán                                                                               |
| 46. | 2137/NQ-PVCFC | 03/9/2025      | Quyết định thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro                                                                          |
| 47. | 2139/NQ-PVCFC | 03/9/2025      | Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Kiểm toán                                               |
| 48. | 2140/NQ-PVCFC | 03/9/2025      | Nghị quyết thông qua KH tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025;                                                          |
| 49. | 2141/QĐ-PVCFC | 3/9/2025       | Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Đề cử-Lương thưởng                                      |
| 50. | 2144/QĐ-PVCFC | 3/9/2025       | Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro                                          |



| Stt | Số và ký hiệu | Ngày/tháng/năm | Trích yếu                                                                                                                                                           |
|-----|---------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 51. | 2153/QĐ-PVCFC | 04/9/2025      | Quyết định thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025                                                                                           |
| 52. | 2390/NQ-PVCFC | 03/10/2025     | Nghị quyết phiên họp định kỳ HĐQT tháng 9                                                                                                                           |
| 53. | 2394/QĐ-PVCFC | 03/10/2025     | Quyết định triệu tập nhân sự ĐHĐCĐ bất thường 2025                                                                                                                  |
| 54. | 2396/QĐ-PVCFC | 03/10/2025     | Quyết định phê duyệt chức năng nhiệm vụ của TV HĐQT độc lập đứng đầu                                                                                                |
| 55. | 2399/NQ-PVCFC | 03/10/2025     | Nghị quyết phê duyệt nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025                                                                                                |
| 56. | 2670/NQ-PVCFC | 03/11/2025     | Nghị quyết phiên họp HĐQT định kỳ tháng 10/2025                                                                                                                     |
| 57. | 2675/NQ-PVCFC | 03/11/2025     | Nghị quyết phê duyệt Kế hoạch hoạt động 03 năm (2026-2028) của Hội đồng quản trị và các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau |
| 58. | 2676/NQ-PVCFC | 03/11/2025     | Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đề đầu tư dự án Nhà máy sản xuất phân Đạm Cà Mau                                                                                   |
| 59. | 2718/NQ-PVCFC | 11/5/2025      | Nghị quyết phê duyệt và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau                                     |
| 60. | 2717/NQ-PVCFC | 11/5/2025      | Nghị quyết phê duyệt và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau                                      |
| 61. | 2755/QĐ-PVCFC | 10/11/2025     | Quyết định về việc phê duyệt con dấu của Công ty cổ phần - Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau                                                                     |
| 62. | 2932/NQ-PVCFC | 27/11/2025     | Nghị quyết phiên họp HĐQT định kỳ tháng 11/2025                                                                                                                     |
| 63. | 2957/NQ-PVCFC | 28/11/2025     | Nghị quyết ban hành Quy chế Cảnh báo sai phạm                                                                                                                       |



| Stt | Số và ký hiệu | Ngày/tháng/năm | Trích yếu                                                                                                                          |
|-----|---------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 64. | 3029/NQ-PVCFC | 04/12/2025     | Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch năm 2025 của Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau                         |
| 65. | 3030/NQ-PVCFC | 05/12/2025     | Nghị quyết phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau                      |
| 66. | 02/NQ-PVCFC   | 05/01/2026     | Nghị quyết phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ tháng 12/2025                                                                       |
| 67. | 07/NQ-PVCFC   | 05/01/2026     | Nghị quyết về việc thông qua hợp đồng, giao dịch của PVCFC với người có liên quan phát sinh năm 2025 và dự kiến phát sinh năm 2026 |
| 68. | 25/NQ-PVCFC   | 06/01/2026     | Nghị quyết thông qua tiêu chí lựa chọn Thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026                  |
| 69. | 29/NQ-PVCFC   | 06/01/2026     | Nghị quyết phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ trung hạn ba năm 2026-2028 của Ban KTNB                                             |

### III. Ban kiểm soát.

#### 1. Thông tin về thành viên BKS:

| Stt | Thành viên BKS        | Chức vụ    | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Ngày không còn là thành viên BKS |
|-----|-----------------------|------------|--------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Ông Tống Việt Thống   | Trưởng ban | 16/6/2025                      |                                  |
| 2   | Ông Đỗ Minh Dương     | Thành viên | 27/4/2021                      |                                  |
| 3   | Ông Lê Cảnh Khánh     | Thành viên | 12/6/2023                      |                                  |
| 4   | Bà Phan Thị Cẩm Hương | Trưởng ban |                                | 16/6/2025                        |

#### 2. Cuộc họp của BKS:

| Stt | Thành viên BKS        | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp        |
|-----|-----------------------|---------------------|-------------------|--------------------------------|
| 1   | Ông Tống Việt Thống   | 03/06               | 50%               | Bỏ nhiệm từ ngày 16/6/2025     |
| 2   | Ông Đỗ Minh Dương     | 06/06               | 100%              |                                |
| 3   | Ông Lê Cảnh Khánh     | 06/06               | 100%              |                                |
| 4   | Bà Phan Thị Cẩm Hương | 03/06               | 50%               | Hết nhiệm kỳ từ ngày 16/6/2025 |



### **3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban TGD và cổ đông:**

- Trong năm 2025, BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban và các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành nhằm đảm bảo tính minh bạch và nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động SXKD của PVCFC; Hoạt động của HĐQT tuân thủ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định có liên quan; Ban Điều hành triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Ban kiểm soát cẩn trọng xem xét, phân tích, đánh giá các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của PVCFC.
- Xem xét và ý kiến, khuyến nghị đối với các văn bản, Quy chế trình HĐQT phê duyệt, chấp thuận.
- Giám sát tình hình triển khai định hướng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác thông qua việc tham dự các cuộc họp, hội thảo và các báo cáo liên quan.
- Thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và báo cáo tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Giám sát việc chấp hành và thực hiện các quy định của pháp luật, Nghị quyết, Quyết định, ... của ĐHĐCĐ, HĐQT và việc tuân thủ các quy định của Ban điều hành.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động của các Đơn vị/Phòng/Ban tại PVCFC, các chi nhánh và công ty con.
- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) và trao đổi với Kiểm toán độc về những vấn đề tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện soát xét và kiểm toán BCTC.
- Giám sát việc thực hiện kiến nghị các đoàn thanh tra, kiểm tra cấp trên.
- BKS đã thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các BCTC năm 2024; quý I, II, III/2025 của PVCFC.

### **4. Phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.**

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Tổng giám đốc tại PVCFC tiếp tục được phát huy dựa trên nguyên tắc linh động, nhịp nhàng, đảm bảo lợi ích của PVCFC, cổ đông, người lao động và các bên liên quan.
- Với quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã ban hành các Quy chế/Quy định về các mặt hoạt động của PVCFC để TGD tổ chức thực hiện. Trong quá trình làm việc, HĐQT cũng đã trao đổi, thảo luận và thống nhất với TGD kịp thời phê duyệt, điều chỉnh, cập nhật các văn bản theo đề xuất của TGD để các hoạt động sản xuất kinh doanh của PVCFC được liên tục và thuận lợi.
- Các Nghị quyết của HĐQT giao cho TGD thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra, giám sát. HĐQT đã có các cuộc họp cùng với Ban TGD xây dựng, điều chỉnh các chỉ tiêu SXKD cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn.
- Mọi quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và TGD luôn được phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế nội bộ về quản trị công ty.



- Hàng quý, TGD đều gửi Báo cáo tài chính cho HĐQT. HĐQT thường xuyên chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định của ĐHĐCĐ.

- Trong công tác kiểm tra, giám sát, TGD đã tạo điều kiện, kịp thời phân công cán bộ phối hợp, cung cấp hồ sơ để HĐQT và BKS thực thi tốt nhiệm vụ giám sát của mình.

- Ngoài việc kiểm tra giám sát, trong quá trình soạn thảo, ban hành các quy chế/quy định, tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát với chuyên môn của mình đã tham gia tư vấn, góp ý để hoàn thiện hơn, phù hợp với tình hình thực tế.

- Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham gia để đánh giá tình hình thực hiện định hướng, chiến lược và thiết lập các định hướng đề ra giải pháp chiến lược theo tình hình mới làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Ban kiểm soát đã phối hợp với HĐQT, BKH: Đề xuất các đơn vị thực hiện kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2025 để trình ĐHĐCĐ thông qua; Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường năm 2025.

#### IV. Ban điều hành:

| Stt | Thành viên<br>Ban điều hành  | Ngày<br>tháng năm<br>sinh | Trình độ chuyên<br>môn                                                                                 | Ngày bổ<br>nhiệm | Ghi chú                           |
|-----|------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------|
|     | <b>Tổng giám đốc</b>         |                           |                                                                                                        |                  |                                   |
| 1   | Ông Văn Tiến Thanh           | 09/7/1968                 | Kỹ sư Cơ khí Nông<br>Lâm                                                                               | 12/6/2023        |                                   |
|     | <b>Các Phó tổng giám đốc</b> |                           |                                                                                                        |                  |                                   |
| 2   | Ông Nguyễn Tuấn Anh          | 24/02/1976                | Thạc sĩ Kinh tế ngành<br>Thương mại; Cử nhân<br>Kế toán; Cử nhân<br>Quản trị Kinh doanh.               | 01/6/2022        |                                   |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Hiền           | 13/7/1974                 | Thạc sĩ Kinh tế                                                                                        | 01/01/2024       |                                   |
| 4   | Ông Trần Chí Nguyễn          | 21/9/1975                 | Thạc sĩ Quản trị kinh<br>doanh; Cử nhân Kinh<br>tế ngành Kế toán; Cử<br>nhân Luật                      | 25/6/2025        |                                   |
| 5   | Ông Nguyễn Thanh Tùng        | 27/3/1979                 | Thạc sĩ Quản trị Kinh<br>doanh; Kỹ sư công<br>nghệ hữu cơ hoá dầu                                      | 15/7/2025        |                                   |
| 6   | Ông Trần Thế Cường           | 01/9/1975                 | Thạc sĩ Quản trị kinh<br>doanh quốc tế; Kỹ sư<br>quá trình thiết bị -<br>Công nghệ hóa và<br>thực phẩm | 02/6/2025        |                                   |
| 7   | Ông Lê Ngọc Minh Trí         | 19/10/1970                | Cử nhân Kinh tế<br>ngành Kế toán doanh<br>nghiệp                                                       | 01/6/2020        | Hết nhiệm<br>kỳ ngày<br>01/6/2025 |



## V. Kế toán trưởng:

| Họ và tên      | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn                                                                            | Ngày bổ nhiệm |
|----------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| Đinh Như Cường | 20/02/1977          | Thạc sĩ Tài chính ngân hàng; Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán; Kỹ sư Công nghệ thông tin. | 05/02/2021    |

## VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Trong năm 2025, PVCFC tiếp tục khẳng định quan điểm xuyên suốt: Đào tạo về quản trị công ty không chỉ là nghĩa vụ tuân thủ mà còn là khoản đầu tư chiến lược cho năng lực lãnh đạo, khả năng thích ứng và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trên nền tảng hơn một thập kỷ xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị, công tác đào tạo được triển khai bài bản, có trọng tâm, gắn chặt với chiến lược dài hạn, yêu cầu pháp lý và thông lệ quản trị tiên tiến trong khu vực cũng như trên thế giới.

Đối tượng tham gia đào tạo bao phủ toàn bộ chuỗi giá trị quản trị của PVCFC, bao gồm: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, cán bộ Văn phòng HĐQT và đội ngũ cán bộ quản lý các cấp. Cách tiếp cận này thể hiện rõ triết lý quản trị nhất quán của PVCFC: quản trị hiệu quả chỉ được hình thành khi nhận thức, năng lực và hành động được đồng bộ từ cấp cao nhất đến các cấp quản lý trung gian.

Năm 2025, lãnh đạo và đội ngũ quản lý của PVCFC đã tham gia 39 khóa đào tạo, hội thảo và chương trình bồi dưỡng với nội dung đa dạng, chuyên sâu và cập nhật. Các chương trình đào tạo được phân nhóm rõ ràng theo từng trụ cột năng lực quản trị, cụ thể như sau:

- Nhóm đào tạo về quản trị công ty, HĐQT và các Ủy ban chuyên môn tập trung vào các chương trình Giám đốc Quốc tế (IDP), Chứng nhận Thành viên HĐQT (DCP), các khóa tích hợp quản trị môi trường - xã hội (ESG), cũng như các hội thảo chuyên đề về ACGS, VNCG và mô hình tập đoàn. Nội dung đào tạo đi sâu vào vai trò chiến lược của HĐQT, chức năng giám sát, xây dựng chiến lược dài hạn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và tích hợp ESG trong quản trị doanh nghiệp.

- Nhóm đào tạo về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ tập trung vào việc hoàn thiện mô hình ba tuyến bảo vệ, thiết kế mối liên kết giữa mục tiêu - rủi ro - kiểm soát - KPI, nâng cao chất lượng đánh giá hệ thống và năng lực giám sát của HĐQT. Các khóa chuyên sâu về kiểm toán xây dựng cơ bản và cập nhật pháp luật xây dựng giúp tăng cường kiểm soát các dự án đầu tư.

- Nhóm đào tạo về tài chính, thuế, thị trường vốn và vai trò CFO giúp đội ngũ lãnh đạo tài chính cập nhật bối cảnh kinh tế - tài chính, xu hướng công nghệ mới, chính sách thuế, cũng như nâng cao năng lực hoạch định tài chính, quản trị rủi ro và huy động vốn trong các dự án lớn.

- Nhóm đào tạo về nhân sự, văn hóa doanh nghiệp và phát triển lãnh đạo chú trọng xây dựng năng lực quản trị nhân sự chiến lược, phân tích dữ liệu nhân sự, phát triển văn hóa doanh nghiệp và năng lực lãnh đạo bản thân. Các chương trình như Search Inside Yourself hay các hội thảo VHDN đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố giá trị cốt lõi và sự gắn kết nội bộ.

o Nhóm đào tạo về vận hành, quy trình, AI và chuyển đổi số hướng đến chuẩn hóa hệ thống quy trình, văn bản nội bộ, thiết lập KPI cho quy trình, ứng dụng AI và công cụ số trong điều hành, đồng thời định hình mô hình tổ chức linh hoạt trong bối cảnh mới.

- Ngoài ra, HĐQT đã phê duyệt kế hoạch đào tạo định hướng đối với TV HĐQT độc lập Lê Việt Dũng được bổ nhiệm ngày 16/6/2025, bao gồm các chương trình đào tạo về văn hóa, mục đích, mô hình kinh doanh và định hướng chiến lược của PVCFC; chứng nhận Thành viên HĐQT; nhận thức và thực hành về ESG; các khóa đào tạo về tài chính, CFO...

## **VII. Danh sách về người có liên quan của PVCFC và giao dịch của người có liên quan của PVCFC với chính PVCFC.**

1. Danh sách về người có liên quan của PVCFC: *(Theo phụ lục 01 đính kèm).*
2. Giao dịch giữa PVCFC với người có liên quan của PVCFC; hoặc giữa PVCFC với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025, PVCFC đã có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

*(Theo BCTC trước kiểm toán  
Đvt: VND)*

### **1. Bán hàng**

#### ***a) Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam và các công ty con trong tập đoàn***

Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

#### ***b) Công ty con***

Công ty TNHH Phân bón Hàn - Việt

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

#### ***c) Các bên liên quan khác theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam***

Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí

### **2. Mua hàng hóa, dịch vụ**

#### ***a) Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam và các công ty con trong tập đoàn***

Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP -  
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau

TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Chi nhánh Kinh  
doanh Hóa chất Dầu khí

Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón Hóa chất Dầu khí -  
CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ

Chi nhánh TCT Khí Việt Nam - Công ty Khí Cà Mau

Viện Dầu khí Việt Nam

Trường Cao đẳng Dầu khí

Trường Đại học Dầu khí Việt Nam

|                                                                                |                        |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn                                           | 334.809.259            |
| <b>b) Công ty con</b>                                                          | <b>421.484.611.540</b> |
| Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam                                        | 310.087.885.772        |
| Công ty TNHH Phân bón Hàn - Việt                                               | 111.396.725.768        |
| <b>c) Các bên liên quan khác theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam</b>               | <b>41.881.522.526</b>  |
| Công ty Cổ phần Đào tạo kỹ thuật PVD                                           | -                      |
| Công ty CP DV Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - CN Tây Nam Bộ                  | 17.719.477.596         |
| Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn                                            | 5.415.480.208          |
| Công ty Cổ phần TM và DV Kỹ thuật Khoan Dầu Khí                                | 16.256.974.000         |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh | 1.282.106.000          |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương                                     | 689.594.100            |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí                                            | 508.000.000            |
| CN Cty CP Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn Tại Cà Mau-CHXD số 10                       | 9.890.622              |
| Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC                                            | -                      |

3. Giao dịch giữa người nội bộ PVCFC, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do PVCFC nắm quyền kiểm soát: *Không có.*

4. Giao dịch giữa PVCFC với các đối tượng khác: *Không có.*

#### **VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: *(Theo phụ lục 02 đính kèm).*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của PVCFC: *Không có.*

#### **IX. Các vấn đề cần lưu ý khác. Không có./.**

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, TGD, BKS;
- Lưu VT, VP HĐQT.



#### **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH**



*(Ký bởi: Trần Ngọc Nguyên  
Ngày ký: 29/01/2026 15:59:48  
Tổ chức xác thực: VNPT SmartCA RS)*



**PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY**  
(Đính kèm văn bản số **142**./BC-PVCFC ngày **01/01/2026**)

| STT  | Tên tổ chức/Cá nhân                                            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty | Số Giấy NH (ĐKKD) | Ngày cấp giấy NH (ĐKKD) | Nơi cấp                  | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                                               | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của Công ty | Thời điểm không còn là người có liên quan của Công ty | Lý do                  | Mối quan hệ liên quan đến Công ty      |
|------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|-------------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------|
| 1    | 2                                                              | 3                                        | 4                   | 5                 | 6                       | 7                        | 8                                                                                                   | 9                                                   | 10                                                    | 11                     | 12                                     |
| 1    | Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam (PVN)      |                                          |                     | 0100681592        | 11/04/2025              | Sở KH & ĐT Hà Nội        | Số 18, phố Láng Hạ, P. Giảng Võ, TP. Hà Nội                                                         | 15/01/2015                                          |                                                       | Sở hữu 75,56% VDL Công | Công ty mẹ/Cổ đông lớn                 |
| 1.1  | Viện Dầu khí Việt Nam                                          |                                          |                     | 0100150295        | 03/06/1998              | Sở KH & ĐT Hà Nội        | 167 Trung Kính, P.Yên Hoà, TP. Hà Nội                                                               | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | PVN sở hữu đến mức chi phối việc ra QĐ |
| 1.2  | Trường Đại học Dầu khí Việt Nam                                |                                          |                     | 0100681592-032    | 08/08/2011              | Sở KH&ĐT Bà Rịa Vũng Tàu | 762 Cách Mạng Tháng Tám, P. Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh                                                 | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | nt                                     |
| 1.3  | Trường Cao đẳng Dầu khí                                        |                                          |                     | 0100681592-028    | 17/03/2018              | Sở KH&ĐT Bà Rịa Vũng Tàu | 120 Trần Phú, P. Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh                                                          | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | nt                                     |
| 1.4  | Tổng Công ty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)                  |                                          |                     | 0100150908        | 10/05/2007              | Sở KH & ĐT TP. Hà Nội    | Tầng 26, Tòa nhà CharmVit, 117 Trần Duy Hưng, P. Yên Hòa, TP. Hà Nội                                | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | nt                                     |
| 1.5  | Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Cơ khí Dầu khí (PVSM) |                                          |                     | 4300338693        | 04/02/2015              | Sở KH & ĐT Quảng Ngãi    | Khu công nghiệp phía Đông khu kinh tế Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi                      | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | nt                                     |
| 1.6  | Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL)                       |                                          |                     | 0305795054        | 26/06/2008              | Sở KH & ĐT TP. HCM       | Tầng 14-18, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh                 | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | nt                                     |
| 1.7  | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - CTCP (PVFCCo)      |                                          |                     | 0303165480        | 31/08/2007              | Sở KH & ĐT TP. HCM       | Số 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh                                                     | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | nt                                     |
| 1.8  | Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGAS)                       |                                          |                     | 3500102710        | 13/12/2007              | Sở KH & ĐT TP. HCM       | Tầng 12, 12A, 14 và tầng 15, Tòa nhà PV GAS, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Nhà Bè, TP.Hồ Chí Minh | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | nt                                     |
| 1.9  | Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCMBANK)                   |                                          |                     | 0101057919        | 01/10/2013              | Sở KH & ĐT Hà Nội        | Số 22 phố Ngô Quyền, P. Cửa Nam, TP. Hà Nội                                                         | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | nt                                     |
| 1.10 | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PVPOWER)        |                                          |                     | 0102276173        | 31/05/2007              | Sở KH & ĐT Hà Nội        | Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167, đường Trung Kính, P. Yên Hòa, TP. Hà Nội                     | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | nt                                     |
| 1.11 | Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS)      |                                          |                     | 3500102365        | 18/01/2024              | Sở KH & ĐT Hà Nội        | Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167, đường Trung Kính, P. Yên Hòa, TP. Hà Nội.           | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | nt                                     |
| 1.12 | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)  |                                          |                     | 0100150577        | 29/12/2006              | Sở KH & ĐT TP. HCM       | Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 Lê Duẩn, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh                                     | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | nt                                     |
| 1.13 | Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVD)      |                                          |                     | 0302495126        | 30/09/2019              | Sở KH & ĐT TP. HCM       | Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh                          | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | nt                                     |
| 1.14 | Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTRANS)                 |                                          |                     | 0302743192        | 12/06/2024              | Sở KH & ĐT TP. HCM       | Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh                             | 15/01/2015                                          |                                                       |                        | nt                                     |

| STT  | Tên tổ chức/Cá nhân                                 | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại<br>Công ty | Số Giấy NSH<br>(ĐKKD) | Ngày cấp<br>giấy NSH<br>(ĐKKD) | Nơi cấp                  | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                             | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của Công ty | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan của<br>Công ty | Lý do | Mối quan hệ<br>liên quan đến<br>Công ty |
|------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------|
| 1    | 2                                                   | 3                                                 | 4                      | 5                     | 6                              | 7                        | 8                                                                 | 9                                                               | 10                                                                | 11    | 12                                      |
| 1.15 | Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)          |                                                   |                        | 4300378569            | 01/07/2018                     | Sở KH & ĐT Quảng Ngãi    | 208 Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi                  | 15/01/2015                                                      |                                                                   |       | nt                                      |
| 1.16 | Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam (VNPOLY) |                                                   |                        | 0102681774            | 20/11/2009                     | Sở KH & ĐT Hải Phòng     | Lô CN5.5 A khu công nghiệp Đình Vũ - P.Đông Hải - TP. Hải Phòng   | 15/01/2015                                                      |                                                                   |       | nt                                      |
| 1.17 | Xí nghiệp Liên doanh Vietsopetro (VIETSO PETRO)     |                                                   |                        | 3500102414            | 19/09/1998                     | Sở KH&ĐT Bà Rịa Vũng Tàu | 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh,                     | 15/01/2015                                                      |                                                                   |       | nt                                      |
| 2    | Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam             |                                                   |                        | 1900437757            | 12/08/2019                     | Sở KH & ĐT Bạc Liêu      | Lô A 1-3 Khu công nghiệp Trà Kha, P. Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau        | 15/01/2015                                                      |                                                                   |       | Công ty con                             |
| 3    | Công ty TNHH phân bón Hàn - Việt                    |                                                   |                        | 0313300594            | 21/05/2015                     | Sở KH & ĐT TP. HCM       | Lô D10b, đường D3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh | 17/5/2024                                                       |                                                                   |       | Công ty con                             |



**PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
(Đính kèm văn bản số ...../BC-PVCFC ngày 29/01/2026)

| STT      | Họ và tên                                           | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty          | Số Giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|-------------|-------------------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1        | 2                                                   | 3                                        | 4                            | 5           | 6                 | 7       | 8                                     | 9                          | 10                            | 11                                                         |
| <b>I</b> | <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>                            |                                          |                              |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| <b>1</b> | <b>Trần Ngọc Nguyên</b>                             |                                          | <b>Chủ tịch HĐQT</b>         |             |                   |         |                                       | <b>0</b>                   | <b>0,000000%</b>              |                                                            |
|          | <b>Người có liên quan:</b>                          |                                          |                              |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 1.01     | Trần Ngọc Duy                                       |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.02     | Nguyễn Thị Điềm                                     |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.03     | Lữ Đình Cương                                       |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.04     | Lữ Thị Vân Anh                                      |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.05     | Trần Lữ Nguyên Hương                                |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.06     | Trần Lữ Ngọc Quang                                  |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.07     | Trần Ngọc Phục                                      |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.08     | Trần Ngọc Phúc                                      |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Không cung cấp TT                                          |
| 1.09     | Trần Thị Thủy                                       |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.10     | Trần Ngọc Thụy                                      |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.11     | Lê Thị Xuân Đào                                     |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.12     | Trần Ngọc Thiết                                     |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.13     | Ngô Thị Minh Cứ                                     |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.14     | Trần Thị Hạnh                                       |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.15     | Trịnh Văn Quang                                     |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.16     | Trần Thị Thuần                                      |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.17     | Nguyễn Văn Khải                                     |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.18     | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 400.023.057                | 75,561590%                    | NNB là đại diện vốn                                        |
| <b>2</b> | <b>Văn Tiến Thanh</b>                               | <b>045C102827</b>                        | <b>TVHĐQT- Tổng Giám đốc</b> |             |                   |         |                                       | <b>109.000</b>             | <b>0,020589%</b>              |                                                            |
|          | <b>Người có liên quan</b>                           |                                          |                              |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 2.01     | Nguyễn Thị Song Yên                                 |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 300                        | 0,000057%                     |                                                            |
| 2.02     | Văn Thị Song Anh                                    |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.03     | Văn Nguyễn Thanh Tâm                                |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.04     | Văn Thị Song Ngân                                   |                                          |                              |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |

| STT      | Họ và tên                                           | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty | Số Giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------|-------------|-------------------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1        | 2                                                   | 3                                        | 4                   | 5           | 6                 | 7       | 8                                     | 9                          | 10                            | 11                                                         |
| 2.05     | Văn Thị Hải Châu                                    |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.06     | Văn Thị Hải Hồng                                    |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.07     | Văn Thị Hải Hà                                      |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.08     | Nguyễn Thoan                                        |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.09     | Cần Văn Thanh                                       |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.10     | Quan Nguyễn Thanh Nghị                              |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.11     | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 400.023.057                | 75,561590%                    | NNB là đại diện vốn                                        |
| <b>3</b> | <b>Nguyễn Đức Hạnh</b>                              | <b>045C108588</b>                        | <b>TV HĐQT</b>      |             |                   |         |                                       | <b>8.000</b>               | <b>0,001511%</b>              |                                                            |
|          | <b>Người có liên quan</b>                           |                                          |                     |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 3.01     | Vũ Thị Xoài                                         |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.02     | Nguyễn Đỗ Lan Phương                                |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Còn nhỏ                                                    |
| 3.03     | Nguyễn Khắc Hùng                                    |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.04     | Nguyễn Xuân Hiệp                                    |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.05     | Đặng Thị Ôn                                         |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.06     | Nguyễn Thị Thùy                                     |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.07     | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 400.023.057                | 75,561590%                    | NNB là đại diện vốn                                        |
| <b>4</b> | <b>Lê Đức Quang</b>                                 | <b>058C112389</b>                        | <b>TV HĐQT</b>      |             |                   |         |                                       | <b>0</b>                   | <b>0,000000%</b>              |                                                            |
|          | <b>Người có liên quan</b>                           |                                          |                     |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 4.01     | Trịnh Cẩm Vân                                       |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 4.02     | Lê Hoàng Nam                                        |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Còn nhỏ                                                    |
| 4.03     | Lê Hoàng Bách                                       |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Còn nhỏ                                                    |
| 4.04     | Lê Thị Bích Huyền                                   |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 4.05     | Lê Thị Như Anh                                      |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 4.06     | Lê Đức Minh                                         |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 4.07     | Lê Thị Anh Thư                                      |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 4.08     | Vũ Công Mừng                                        |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 4.09     | Bùi Minh Dũng                                       |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 4.10     | Ngô Quốc Huy                                        |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 4.11     | Nguyễn Thị Lệ Hà                                    |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 4.12     | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 400.023.057                | 75,561590%                    | NNB là đại diện vốn                                        |

| STT      | Họ và tên                                     | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty    | Số Giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----------|-----------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------|-------------|-------------------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1        | 2                                             | 3                                        | 4                      | 5           | 6                 | 7       | 8                                     | 9                          | 10                            | 11                                                         |
| <b>5</b> | <b>Đỗ Thị Hoa</b>                             |                                          | <b>TV HĐQT độc lập</b> |             |                   |         |                                       | <b>0</b>                   | <b>0,000000%</b>              |                                                            |
|          | <b>Người có liên quan</b>                     |                                          |                        |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 5.01     | Đỗ Ngọc Ngân                                  |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5.02     | Đinh Văn Chân                                 |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5.03     | Đinh Thanh Nam                                |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5.04     | Đinh Mai Ngân                                 |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5.05     | Trần Thị Huyền Trang                          |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5.06     | Đỗ Ngọc Giao                                  |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5.07     | Bùi Thị Bích Liên                             |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5.08     | Đỗ Minh Việt                                  |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5.09     | Vũ Kim Hương                                  |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5.10     | Đỗ Thị Huyền                                  |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| <b>6</b> | <b>Nguyễn Đức Thuận</b>                       |                                          | <b>TV. HĐQT</b>        |             |                   |         |                                       | <b>0</b>                   | <b>0,000000%</b>              |                                                            |
|          | <b>Người có liên quan</b>                     |                                          |                        |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 6.01     | Ngô Thị Kim Sơn                               |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.02     | Lâm Thị Bích Ngọc                             |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.03     | Nguyễn Ngọc Anh                               |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.04     | Nguyễn Đức Bình                               |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Còn nhỏ                                                    |
| 6.05     | Nguyễn Đức Hòa                                |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.06     | Nguyễn Thị Xuân Lân                           |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.07     | Nguyễn Thị Hiền                               |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.08     | Nguyễn Đồng Lực                               |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.09     | Nguyễn Thị Hạnh                               |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.10     | Trần Văn Hạnh                                 |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.11     | Nguyễn Thị Hiếu                               |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.12     | Lê Hồng Tuyền                                 |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.13     | Nguyễn Đức Hiền                               |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.14     | Nguyễn Thị Thu Nga                            |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.15     | Nguyễn Thị Phương Hoa                         |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.16     | Phạm Quý Hùy                                  |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.17     | Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC) |                                          |                        |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | ĐHĐCĐ PPC miễn nhiệm TVHĐQT                                |

| STT       | Họ và tên                                           | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty            | Số Giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------|-------------|-------------------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1         | 2                                                   | 3                                        | 4                              | 5           | 6                 | 7       | 8                                     | 9                          | 10                            | 11                                                         |
| 6.18      | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 400.023.057                | 75,561590%                    | NNB là đại diện vốn                                        |
| 7         | <b>Lê Việt Dũng</b>                                 |                                          | <b>Thành viên HDQT độc lập</b> |             |                   |         |                                       | <b>0</b>                   | <b>0,000000%</b>              |                                                            |
|           | <b>Người có liên quan</b>                           |                                          |                                |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 7.01      | Nguyễn Thị Tuyết Mai                                |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 7.02      | Lê Nguyễn Khôi Nguyên                               |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 7.03      | Lai Việt Hùng                                       |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 7.04      | Nguyễn Thị Ninh                                     |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 7.05      | Lai Thị Kim Hoàng                                   |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 7.06      | Trần Thanh Đường                                    |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 7.07      | Lai Đông Hà                                         |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 7.08      | Lai Hoàng Phương                                    |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 7.09      | Phạm Thị Thương                                     |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Không cung cấp TT                                          |
| 7.10      | Nguyễn Thị Phết                                     |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | nt                                                         |
| 7.11      | Lai Thị Thu Lan                                     |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | nt                                                         |
| <b>II</b> | <b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>                            |                                          |                                |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 1         | <b>Văn Tiến Thanh</b>                               | <b>045C102827</b>                        | <b>TVHDQT- Tổng Giám đốc</b>   |             |                   |         |                                       | <b>109.000</b>             | <b>0,020589%</b>              |                                                            |
|           | <b>Người có liên quan</b>                           |                                          |                                |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 1.01      | Nguyễn Thị Song Yên                                 |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 300                        | 0,000057%                     |                                                            |
| 1.02      | Văn Thị Song Anh                                    |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.03      | Văn Nguyễn Thanh Tâm                                |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.04      | Văn Thị Song Ngân                                   |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.05      | Văn Thị Hải Châu                                    |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.06      | Văn Thị Hải Hồng                                    |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.07      | Văn Thị Hải Hà                                      |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.08      | Nguyễn Thoan                                        |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.09      | Cần Văn Thanh                                       |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.10      | Quan Nguyễn Thanh Nghị                              |                                          |                                |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |

| STT  | Họ và tên                                           | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty      | Số Giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------|-------------|-------------------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1    | 2                                                   | 3                                        | 4                        | 5           | 6                 | 7       | 8                                     | 9                          | 10                            | 11                                                         |
| 1.11 | Tập đoàn công nghiệp - năng lượng quốc gia Việt Nam |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 400.023.057                | 75,561590%                    | NNB là đại diện vốn                                        |
| 2    | <b>Trần Chí Nguyễn</b>                              |                                          | <b>Phó tổng giám đốc</b> |             |                   |         |                                       | <b>1.600</b>               | <b>0,000302%</b>              |                                                            |
|      | <b>Người có liên quan</b>                           |                                          |                          |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 2.01 | Trần Trung Kiên                                     |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.02 | Trần Kim Thuận                                      |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.03 | Trần Kim Phụng                                      |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.04 | Trần Hữu Danh                                       |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.05 | Trần Hữu Lợi                                        |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.06 | Trần Bích Ngân                                      |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.07 | Trần Quê Nhu                                        |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.08 | Lê Nguyễn Như Ngọc                                  |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.09 | Trần Hữu Lộc                                        |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.10 | Trần Quốc Tuấn                                      |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.11 | Phạm Thị Gấm                                        |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3    | <b>Nguyễn Tuấn Anh</b>                              | <b>011C136114</b>                        | <b>Phó Tổng Giám đốc</b> |             |                   |         |                                       | <b>0</b>                   | <b>0,000000%</b>              |                                                            |
|      | <b>Người có liên quan</b>                           |                                          |                          |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 3.01 | Nguyễn Quang Lập                                    |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.02 | Vũ Thị Oanh                                         |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.03 | Trịnh Cam Ly                                        | 011C118678                               |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.04 | Nguyễn Hoàng Minh                                   |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.05 | Nguyễn Thảo Nguyên                                  |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.06 | Nguyễn Thị Liên                                     |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.07 | Phạm Xuân Kiên                                      |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.08 | Bùi Thị Ngọc Loan                                   |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 4    | <b>Nguyễn Thị Hiền</b>                              | <b>45C100833</b>                         | <b>Phó Tổng Giám đốc</b> |             |                   |         |                                       | <b>0</b>                   | <b>0,000000%</b>              |                                                            |
|      |                                                     | <b>31130</b>                             |                          |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
|      | <b>Người có liên quan:</b>                          |                                          |                          |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 4.01 | Đặng Thị Thu Hà                                     |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Không cung cấp TT                                          |
| 4.02 | Hoàng Minh Hiền                                     |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 4.03 | Hoàng Minh Tuấn                                     |                                          |                          |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |

| STT  | Họ và tên           | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty | Số Giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|------|---------------------|------------------------------------------|---------------------|-------------|-------------------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1    | 2                   | 3                                        | 4                   | 5           | 6                 | 7       | 8                                     | 9                          | 10                            | 11                                                         |
| 4.04 | Hoàng Ngân Giang    |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Còn nhỏ                                                    |
| 4.05 | Nguyễn Hồng Hạnh    |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 4.06 | Nguyễn Hồng Hưng    |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 4.07 | Nguyễn Hồng Phi     |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5    | Nguyễn Thanh Tùng   | 009C081811                               | Phó Tổng Giám đốc   |             |                   |         |                                       | 5.003                      | 0,000945%                     |                                                            |
|      |                     | 045C107449                               |                     |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
|      | Người có liên quan: |                                          |                     |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 5.01 | Vũ Thu Hiền         |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 2.900                      | 0,000548%                     |                                                            |
| 5.02 | Nguyễn Thanh Bách   |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5.03 | Nguyễn Bách Khoa    |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5.04 | Nguyễn Lê Sơn       |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5.05 | Nguyễn Thanh Bình   |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 5.06 | Lại Thị Nụ          |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6    | Trần Thế Cường      | 045C107277                               | Phó Tổng giám đốc   |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Được bổ nhiệm                                              |
|      | Người có liên quan: |                                          |                     |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 6.01 | Trần Công Minh      |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.02 | Trần Mạnh Phú       |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.03 | Lưu Thị Thu         |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.04 | Trần Thị Hương      |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.05 | Nguyễn Văn Cường    |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.06 | Phạm Thị Thu Hà     | 045C305622                               |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.07 | Trần Khánh Linh     |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.08 | Trần Lam Hạ         |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Còn nhỏ                                                    |
| 6.09 | Phạm Đình Hòa       |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 6.10 | Bùi Thị Hường       |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| III  | BAN KIỂM SOÁT       |                                          |                     |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 1    | Tổng Việt Thống     | 058C686888                               | Trưởng ban KS       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
|      |                     | 068C200583                               |                     |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
|      |                     | 004C200476                               |                     |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
|      |                     | 091C802004                               |                     |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
|      | Người có liên quan: |                                          |                     |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 1.01 | Hà Quang Thái       |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.02 | Phạm Thị Dấu        |                                          |                     |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |

| STT      | Họ và tên                 | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty   | Số Giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|----------|---------------------------|------------------------------------------|-----------------------|-------------|-------------------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1        | 2                         | 3                                        | 4                     | 5           | 6                 | 7       | 8                                     | 9                          | 10                            | 11                                                         |
| 1.03     | Hà Thị Minh Phương        | 021C107749                               |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.04     | Tổng Hà Chí Vĩ            |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Còn nhỏ                                                    |
| 1.05     | Tổng Hà Diên Vĩ           |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Còn nhỏ                                                    |
| 1.06     | Tổng Hà Yên Vĩ            |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Còn nhỏ                                                    |
| 1.07     | Tổng Tuyết Hồng           |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.08     | Tổng Tuyết Nga            |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.09     | Tổng Việt Tiến            |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.10     | Cao Tuyết Trinh           |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.11     | Tổng Việt Thắng           |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.12     | Tổng Minh Hoàng           |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.13     | Tổng Hòa Bình             |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.14     | Hồ Kim Phướng             |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| <b>2</b> | <b>Đỗ Minh Dương</b>      | <b>045C10713400</b>                      | <b>Kiểm soát viên</b> |             |                   |         |                                       | <b>2.000</b>               | <b>0,000378%</b>              |                                                            |
|          | <b>Người có liên quan</b> |                                          |                       |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 2.01     | Đỗ Hùng Dũng              |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.02     | Nguyễn Hồng Đạm           |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.03     | Trần Thị Hồng Ngọc        |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.04     | Đỗ Trần Ngọc Minh         |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.05     | Đỗ Hùng Minh              |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Số định danh                                               |
| 2.06     | Đỗ Thúy Dương             |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.07     | Đỗ Hồng Yến               |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.08     | Lê Hoàng Giang            |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.09     | Lê Ngọc Linh              |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.10     | Trần Thái Hậu             |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 2.11     | Trần Thị Hồng Hoa         |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| <b>3</b> | <b>Lê Cảnh Khánh</b>      | <b>101013153</b>                         | <b>Kiểm soát viên</b> |             |                   |         |                                       | <b>0</b>                   | <b>0,000000%</b>              |                                                            |
|          | <b>Người có liên quan</b> |                                          |                       |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 3.01     | Lê Cảnh Phong             |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.02     | Phạm Thị Ngân             |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.03     | Nguyễn Thị Phương Tường   |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.04     | Lê Cảnh Khôi Nguyên       |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.05     | Lê Cảnh Nguyên Khang      |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | còn nhỏ                                                    |
| 3.06     | Lê Cảnh Phương Nga        |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | còn nhỏ                                                    |

| STT       | Họ và tên                               | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại Công ty   | Số Giấy NSH | Ngày cấp giấy NSH | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|-----------|-----------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------|-------------|-------------------|---------|---------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1         | 2                                       | 3                                        | 4                     | 5           | 6                 | 7       | 8                                     | 9                          | 10                            | 11                                                         |
| 3.07      | Lê Thị Lan                              |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.08      | Lê Cảnh Quang Vinh                      |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.09      | Lê Thị Sương Mai                        |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.10      | Lê Cảnh Tuyết                           |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 3.11      | Lê Cảnh Hoàng                           |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| <b>IV</b> | <b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>                   |                                          |                       |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| <b>1</b>  | <b>Đinh Như Cường</b>                   | <b>045C108492</b>                        | <b>Kế toán trưởng</b> |             |                   |         |                                       | <b>2.900</b>               | <b>0,000548%</b>              |                                                            |
|           | <b>Người có liên quan</b>               |                                          |                       |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 1.01      | Đinh Thái Sơn                           |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.02      | Lâm Kim Thơi                            |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.03      | Quách Trần Thu Thủy                     |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.04      | Đinh Trần Khánh Nguyên                  |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Còn nhỏ                                                    |
| 1.05      | Đinh Trần Đăng Nguyên                   |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Còn nhỏ                                                    |
| 1.06      | Đinh Như Hà                             |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.07      | Trần Thị Mai                            |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | Không cung cấp TT                                          |
| 1.08      | Phan Minh Hùng                          |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| <b>V</b>  | <b>PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>       |                                          |                       |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| <b>1</b>  | <b>Đỗ Thành Hưng</b>                    | <b>003C025002</b>                        | <b>Người PT QTCT</b>  |             |                   |         |                                       | <b>1.500</b>               | <b>0,000283%</b>              |                                                            |
|           | <b>Người có liên quan</b>               |                                          |                       |             |                   |         |                                       |                            |                               |                                                            |
| 1.01      | Phan Thị Lý                             |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.02      | Trương Thu Hằng                         | 045C100016                               |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.03      | Đỗ Quỳnh Chi                            |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.04      | Đỗ Thành Minh Đăng                      |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.05      | Đỗ Thị Chính                            |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.06      | Đỗ Thị Nhân                             | 037C979899                               |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.07      | Trương Đình Hợi                         |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.08      | Phạm Thị Dung                           |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     |                                                            |
| 1.09      | Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam |                                          |                       |             |                   |         |                                       | 0                          | 0,000000%                     | NNB là Thành viên HĐQT                                     |

